

HƯỚNG DẪN

Một số nội dung cụ thể về công tác quy hoạch cán bộ

Căn cứ Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW ngày 15/02/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về một số nội dung cụ thể trong công tác quy hoạch cán bộ; Quy định số 10-QĐ/TU ngày 05/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ (sau đây gọi tắt là Quy định của Tỉnh ủy), Ban Tổ chức Tỉnh ủy hướng dẫn một số nội dung về công tác quy hoạch cán bộ như sau:

I- MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM TRONG THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUY HOẠCH CÁN BỘ

1. Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý phải xuất phát từ tình hình thực tế đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị trong từng nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ kế tiếp; đồng thời, gắn kết chặt chẽ với các khâu khác trong công tác cán bộ. Bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo có thẩm quyền, nguyên tắc tập trung dân chủ, công bằng, công tâm, khách quan, công khai, minh bạch.

2. Rà soát, đánh giá nguồn cán bộ và cán bộ trước khi đưa vào quy hoạch

Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị phải tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ và cán bộ theo yêu cầu sau:

- Về rà soát, đánh giá nguồn cán bộ: Trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị trong nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ tiếp theo; chỉ đạo rà soát, đánh giá nguồn cán bộ đương nhiệm theo cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện để chuẩn bị nguồn nhân sự trước khi tiến hành công tác quy hoạch cán bộ.

- Đánh giá cán bộ theo các tiêu chí sau:

+ Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức, kỷ luật và việc thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

+ Năng lực công tác: Kết quả, hiệu quả công việc; mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

+ Uy tín: Kết quả đánh giá cán bộ hằng năm của cấp có thẩm quyền và kết quả lấy phiếu tín nhiệm theo quy định (nếu có).

+ Chiều hướng, triển vọng phát triển: Khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo chức danh quy hoạch.

3. Thực hiện phương châm quy hoạch “động” và “mở”

- Quy hoạch “động” là định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh để đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc uy tín thấp và kịp thời bổ sung vào quy hoạch những cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, triển vọng phát triển.

- Quy hoạch “mở” được hiểu là không khép kín trong từng địa phương, cơ quan, đơn vị mà cần mở rộng nguồn cán bộ từ nơi khác để đưa vào quy hoạch những cán bộ đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

4. Coi trọng chất lượng, không vì số lượng, cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn; đồng thời, quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và có biện pháp hiệu quả để phân đầu thực hiện cơ cấu ba độ tuổi (khoảng cách giữa các độ tuổi là 5 năm), tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số trong quy hoạch cấp ủy, các chức danh lãnh đạo, quản lý.

II- MỘT SỐ NỘI DUNG CỤ THỂ

1. Thời gian thẩm định, phê duyệt quy hoạch

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được tờ trình, hồ sơ nhân sự cấp có thẩm quyền phải xem xét, phê duyệt quy hoạch theo thẩm quyền. Trường hợp cần thiết, cấp có thẩm quyền có thể kéo dài thời gian nhưng không được quá 15 ngày làm việc.

2. Quy hoạch chức danh cao hơn

Chỉ quy hoạch cán bộ vào chức danh cao hơn, không quy hoạch chức vụ đang đảm nhiệm.

Ví dụ:

- Đồng chí Nguyễn Văn A hiện là Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy nhiệm kỳ 2020-2025, khi quy hoạch nhiệm kỳ 2025-2030 sẽ không giới thiệu đồng chí Nguyễn Văn A vào quy hoạch chức danh Ủy viên Ban Thường vụ

Huyện ủy; nếu đồng chí có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, thì giới thiệu vào danh sách quy hoạch chức danh Phó Bí thư hoặc Bí thư Huyện ủy nhiệm kỳ 2025-2030.

- Đồng chí Nguyễn Văn B hiện là Phó Giám đốc Sở giai đoạn 2020-2025, khi quy hoạch giai đoạn 2025-2030 sẽ không giới thiệu đồng chí Nguyễn Văn B vào quy hoạch chức danh Phó Giám đốc Sở; nếu đồng chí có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, thì giới thiệu quy hoạch chức danh Giám đốc Sở giai đoạn 2025-2030 hoặc chức danh khác cao hơn chức danh đang đảm nhiệm.

3. Quy hoạch cấp ủy gắn với quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý

Lấy quy hoạch các chức danh cấp ủy làm cơ sở để quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý, bảo đảm đồng bộ với các chủ trương, quy định của Đảng về bố trí cán bộ.

Ví dụ: Đồng chí Nguyễn Thị C, hiện là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2020-2025, nếu đủ tiêu chuẩn, điều kiện thì xem xét, giới thiệu quy hoạch chức danh Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy nhiệm kỳ 2025-2030 và có thể xem xét, giới thiệu quy hoạch tối đa ba chức danh: Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện nhiệm kỳ 2026-2031, trưởng ban Đảng của huyện ủy hoặc chức danh lãnh đạo, quản lý khác theo quy định.

4. Phương pháp và thời điểm quy hoạch

Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp được thực hiện một lần vào năm thứ hai của nhiệm kỳ đại hội đảng bộ các cấp, đại hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Hằng năm tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch của nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ kế tiếp trong quý I và báo cáo kết quả phê duyệt quy hoạch trong quý II, chậm nhất tháng 6; trường hợp rà soát, bổ sung quy hoạch lần thứ 2 trong năm phải báo cáo ít nhất sau 30 ngày kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt quy hoạch.

Đối với các tổ chức hội được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao biên chế, việc xây dựng quy hoạch đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm thực hiện tương tự như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

5. Về tiêu chuẩn, điều kiện

Tại thời điểm xem xét, phê duyệt quy hoạch nhân sự đưa vào quy hoạch chưa nhất thiết phải đáp ứng ngay các tiêu chuẩn: Kinh qua chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp dưới, trình độ quản lý nhà nước,... Tuy nhiên, nhân sự phải cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

5.1. Về trình độ chuyên môn: Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tương ứng với chức danh bổ nhiệm.

5.2. Về trình độ lý luận chính trị:

- Cán bộ thuộc Đối tượng 1 quy hoạch các chức danh sau phải đáp ứng tiêu chuẩn lý luận chính trị tương ứng của chức danh bổ nhiệm, cụ thể:

+ Cấp trưởng, cấp phó các cơ quan, đơn vị khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức Hội cấp tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương.

+ Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ủy viên Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Ủy viên Ban Thường vụ các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh.

+ Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư các cấp ủy trực thuộc tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

+ Chủ tịch Hội đồng Thành viên (Hội đồng Quản trị), Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc).

- Cán bộ thuộc Đối tượng 1 quy hoạch chức danh Ủy viên ban chấp hành đảng bộ huyện, thành phố có thể chưa nhất thiết phải đáp ứng tiêu chuẩn lý luận chính trị tương ứng của chức danh Ủy viên ban chấp hành đảng bộ huyện, thành phố.

- Cán bộ thuộc Đối tượng 1 quy hoạch các chức danh còn lại do các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị quy định phù hợp với tình hình thực tế đội ngũ cán bộ của địa phương, đơn vị.

6. Phương pháp tính tuổi quy hoạch

Tuổi quy hoạch được xác định theo tinh thần Kết luận số 08-KL/TW, ngày 15/6/2021 của Bộ Chính trị về tuổi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử và Hướng dẫn số 06-HD/BTCTW, ngày 26/7/2021 của Ban Tổ chức Trung ương, cụ thể như sau:

- Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP, ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi

tuổi của cán bộ tại thời điểm tính tuổi theo quy định phải còn ít nhất 01 nhiệm kỳ công tác (60 tháng) đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 02 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2.

Thời điểm tính tuổi: Kế thừa cách tính thời điểm được quy định tại Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị, cụ thể:

+ Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp ủy nhiệm kỳ 2025-2030 (ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra): Cấp xã tháng 4/2025, cấp huyện tháng 6/2025, cấp tỉnh tháng 9/2025.

+ Thời điểm tính tuổi quy hoạch chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và chức danh lãnh đạo các ban Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031: Tháng 5/2026.

+ Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của nhiệm kỳ kế tiếp được xác định theo thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức nhiệm kỳ hiện tại cộng với 05 năm (60 tháng).

- Đối với các cơ quan, đơn vị không theo nhiệm kỳ, tuổi cán bộ quy hoạch giai đoạn kế tiếp bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi tuổi của cán bộ tại năm đầu của giai đoạn kế tiếp phải còn ít nhất 05 năm công tác (60 tháng) đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 10 năm công tác (120 tháng) đối với đối tượng 2.

- Tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch cho nhiệm kỳ (hoặc giai đoạn) hiện tại bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch phải còn ít nhất 72 tháng đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 02 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2.

- Đối với cán bộ nữ thuộc đối tượng được nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thì tuổi quy hoạch được xác định theo độ tuổi được quy định và thực hiện như phương pháp nêu trên.

(Có Phụ lục về xác định tuổi quy hoạch đối với các chức danh cụ thể kèm theo).

7. Về hệ số, số lượng chức danh quy hoạch

- Hệ số quy hoạch ban chấp hành, ban thường vụ, ủy ban kiểm tra cấp ủy các cấp; ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, ban chấp hành, ban

thường vụ các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức Hội các cấp; Hội đồng thành viên (Hội đồng quản trị) các công ty, từ 1,0 - 1,5 lần so với số lượng theo quy định.

Ví dụ: Đảng bộ huyện A được xác định có số lượng ủy viên ban chấp hành là 35 đồng chí; ủy viên ban thường vụ là 11 đồng chí; số lượng ủy ban kiểm tra là 07 đồng chí. Số lượng quy hoạch tối đa sẽ là: (1) Ủy viên ban chấp hành: 35 nhân với hệ số 1,5 thì tối đa là 52,5 người, làm tròn thành 53 người; (2) Ủy viên ban thường vụ: 11 nhân với hệ số 1,5 thì tối đa là 16,5 người, làm tròn thành 17 người; (3) Ủy viên ủy ban kiểm tra: 07 nhân với hệ số 1,5 thì tối đa là 10,5 người, làm tròn thành 11 người.

- Số lượng chức danh quy hoạch lãnh đạo, quản lý

+ Một chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá 03 cán bộ.

Ví dụ: Theo quy định, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy A có 03 phó trưởng ban, số lượng quy hoạch tối đa sẽ là: 3 đồng chí nhân với 3 thì tối đa là 9 người.

+ Một cán bộ quy hoạch không quá 03 chức danh ở cùng một cấp phê duyệt quy hoạch (không bao gồm chức danh ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy các cấp).

Ví dụ:

- Đồng chí Nguyễn Văn B, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy X nhiệm kỳ 2020-2025 được giới thiệu quy hoạch tối đa 03 chức danh thuộc thẩm quyền Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch (Bí thư, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng, Phó các ban đảng Tỉnh ủy, Giám đốc, Phó Giám đốc Sở,... nhưng tối đa không quá 03 chức danh).

- Đồng chí Nguyễn Văn X, Trưởng phòng thuộc Sở Y, được giới thiệu quy hoạch tối đa 03 chức danh thuộc thẩm quyền Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch (Phó Giám đốc, Giám đốc Sở Y hoặc Phó Giám đốc Sở khác,... nhưng tối đa không quá 03 chức danh).

- Đồng chí Nguyễn Thị M, Chuyên viên Phòng N thuộc Sở L, được giới thiệu quy hoạch tối đa 03 chức danh thuộc thẩm quyền Ban Giám đốc Sở phê duyệt quy hoạch (Phó phòng, Trưởng phòng N; Phó Chi cục trưởng, Chi cục trưởng Chi cục T thuộc Sở L; Phó Ban, Trưởng Ban H thuộc Sở L;...nhưng tối đa không quá 03 chức danh).

8. Quy trình quy hoạch

Hội nghị cán bộ chủ chốt (bước 3 của quy trình xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn nhân sự tại chỗ và bước 2 của quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm từ nguồn nhân sự tại chỗ) chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.

9. Trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch

Cán bộ bị cấp có thẩm quyền thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên thì đương nhiên ra khỏi quy hoạch. Sau khi quyết định thi hành kỷ luật hết hiệu lực theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cấp có thẩm quyền có thể xem xét việc quy hoạch theo quy định.

10. Đối tượng 1 của quy hoạch ban chấp hành các cấp ủy trực thuộc tỉnh nêu tại Phụ lục 1, Quy định số 10-QĐ/TU ngày 05/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Các đồng chí giữ chức vụ cấp phó các cơ quan, đơn vị, địa phương trực thuộc huyện mà được xác định là có cơ cấu ủy viên ban chấp hành đảng bộ huyện thì không cần điều kiện phải được quy hoạch vào chức danh cấp tương ứng.

Ví dụ: Đồng chí Phó Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy được xác định là cơ cấu Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện thì khi được đưa vào quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ huyện không cần điều kiện phải được quy hoạch chức danh Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy.

11. Hồ sơ quy hoạch

Hồ sơ nhân sự quy hoạch thống nhất khổ giấy A4, gồm các tài liệu quy định tại Phụ lục 3, Quy định số 10-QĐ/TU ngày 05/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Các biểu mẫu hướng dẫn kèm theo, gồm:

- Mẫu tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch.
- Mẫu danh sách cán bộ đề nghị phê duyệt quy hoạch.
- Mẫu biên bản kiểm phiếu ở các bước.
- Mẫu kết luận nhận xét, đánh giá của các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh; ban cán sự đảng, đảng đoàn; Ban Thường vụ Tỉnh đoàn; tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị (nơi không thành lập ban cán sự đảng, đảng đoàn).

- Mẫu phiếu giới thiệu (hoặc biểu quyết).
- Mẫu quyết định phê duyệt quy hoạch của cấp có thẩm quyền.

12. Hồ sơ đề nghị đưa ra khỏi quy hoạch, gồm:

- Tờ trình đề nghị, trong đó nêu rõ lý do đưa ra khỏi quy hoạch.
- Biên bản hội nghị và Biên bản tổng hợp phiếu biểu quyết về việc đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ.

III- QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUY HOẠCH

1. Căn cứ vào kết quả phê duyệt quy hoạch, tiêu chuẩn, điều kiện đối với chức danh quy hoạch và yêu cầu, nhiệm vụ, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo kế hoạch luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện để cán bộ phấn đấu, rèn luyện, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh quy hoạch theo quy định.

2. Việc đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử và sắp xếp, bố trí cán bộ phải căn cứ vào quy hoạch cán bộ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Định kỳ hằng năm, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo việc rà soát, đánh giá chất lượng, cơ cấu nguồn cán bộ trong quy hoạch để kịp thời điều chỉnh, bổ sung quy hoạch theo quy định.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Điều khoản chuyển tiếp

- Đối với các trường hợp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch của nhiệm kỳ 2020-2025, 2021-2026, trước thời điểm ban hành Quy định số 50-QĐ/TW ngày 27/12/2021 của Bộ Chính trị, thì quyết định phê duyệt quy hoạch vẫn còn giá trị.

- Đối với các trường hợp đã thực hiện xong quy trình rà soát, bổ sung nhưng chưa phê duyệt quy hoạch thì cấp có thẩm quyền phải rà soát, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng, hệ số theo Quy định của Tỉnh ủy, trước khi xem xét phê duyệt quy hoạch.

2. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác quy hoạch cán bộ ở cấp mình và chỉ đạo, hướng dẫn cấp dưới xây dựng, thực hiện cho phù hợp với tình hình, yêu cầu thực tiễn, bảo đảm

tổng thể, đồng bộ, chặt chẽ, dân chủ, công bằng, công tâm, khách quan, minh bạch đúng theo quy định của Trung ương và Tỉnh ủy.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị ban thường vụ các cấp ủy trực thuộc tỉnh, ban cán sự đảng, đảng đoàn, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị (nơi không thành lập ban cán sự đảng, đảng đoàn) phản ánh, gửi ý kiến về Ban Tổ chức Tỉnh ủy để được hướng dẫn.

Nơi nhận:

- TTTU (để báo cáo),
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Các BCS đảng, đảng đoàn, BTV Tỉnh đoàn,
- Các ban đảng, Văn phòng Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh, Báo Đồng Nai,
- BTV cấp ủy trực thuộc tỉnh,
- Các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương,
- Các công ty nhà nước trực thuộc tỉnh,
- Lưu BTCTU.



TRƯỞNG BAN

Đặng Minh Nguyệt

PHỤ LỤC
XÁC ĐỊNH TUỔI ĐỐI VỚI CÁC CHỨC DANH QUY HOẠCH
(Kèm theo Hướng dẫn số 07-HD/BTCTU ngày 15/4/2022
của Ban Tổ chức Tỉnh ủy)

I- Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ (giai đoạn) kế tiếp đối với đối tượng 1

1. Quy hoạch chức danh lãnh đạo cấp ủy các cấp nhiệm kỳ 2025-2030 *(ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra)*

Chức danh lãnh đạo cấp ủy các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2025-2030	
	Nam	Nữ
Xã	Sinh từ tháng 4/1968 trở lại đây	Sinh từ tháng 01/1972 trở lại đây ¹
Huyện	Sinh từ tháng 6/1968 trở lại đây	Sinh từ tháng 02/1972 trở lại đây ²
Tỉnh	Sinh từ tháng 9/1968 trở lại đây ³	Sinh từ tháng 5/1972 trở lại đây ⁴

¹ Ví dụ 1: Đồng chí Nguyễn Thị A (nữ) sinh tháng 01/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 4 tháng - 53 tuổi 3 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 4/2025) = 5 năm 01 tháng công tác (nếu tính sinh tháng 12/1971, thì thiếu 04 tháng).

² Ví dụ 2: Đồng chí Nguyễn Thị B (nữ) sinh tháng 02/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 4 tháng - 53 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 6/2025) = 5 năm công tác.

³ Ví dụ 3: Đồng chí Nguyễn Văn C (nam) sinh tháng 9/1968, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 62 tuổi - 57 tuổi (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 9/2025) = 5 năm công tác.

⁴ Ví dụ 4: Đồng chí Nguyễn Thị B (nữ) sinh tháng 05/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 4 tháng - 53 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 9/2025) = 5 năm công tác.

2- Quy hoạch chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và chức danh lãnh đạo các ban Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031

Chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2026-2031	
	Nam	Nữ
Xã, Huyện, Tỉnh	Sinh từ tháng 5/1969 trở lại đây ⁵	Sinh từ tháng 9/1972 trở lại đây ⁶

3- Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội (xác định theo thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức nhiệm kỳ hiện tại cộng với 60 tháng).

(1) Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhiệm kỳ 2029-2034 (cấp xã tháng 3/2029, cấp huyện tháng 5/2029, cấp tỉnh tháng 7/2029).

Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2029-2034	
	Nam	Nữ
Xã	Sinh từ tháng 3/1972 trở lại đây	Sinh từ tháng 9/1974 trở lại đây ⁷
Huyện	Sinh từ tháng 5/1972 trở lại đây ⁸	Sinh từ tháng 9/1974 trở lại đây ⁹
Tỉnh	Sinh từ tháng 7/1972 trở lại đây	Sinh từ tháng 11/1974 trở lại đây ¹⁰

⁵ Ví dụ 7: Đồng chí Nguyễn Văn C (nam) sinh tháng 5/1969, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 62 tuổi - 57 tuổi (tuổi thực tế tại thời điểm bầu cử Quốc hội, HĐND tháng 5/2026) = 5 năm công tác.

⁶ Ví dụ 8: Đồng chí Nguyễn Thị B (nữ) sinh tháng 9/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 8 tháng (tuổi tại thời điểm bầu cử Quốc hội, HĐND tháng 5/2026) = 5 năm công tác.

⁷ Ví dụ 9: Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh tháng 9/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 8 tháng - 54 tuổi 6 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 3/2029) = 5 năm 02 tháng công tác (nếu tính sinh tháng 8/1974, thì thiếu 03 tháng).

⁸ Ví dụ 10: Đồng chí Nguyễn Văn C (nam) sinh tháng 5/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 62 tuổi - 57 tuổi (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 5/2029) = 5 năm công tác.

⁹ Ví dụ 11: Đồng chí Nguyễn Thị M (nữ) sinh tháng 9/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 8 tháng - 54 tuổi 8 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 5/2029) = 5 năm công tác.

¹⁰ Ví dụ 12: Đồng chí Nguyễn Thị M (nữ) sinh tháng 11/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 8 tháng - 54 tuổi 8 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 7/2029) = 5 năm công tác.

(2)- Chức danh lãnh đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ nhiệm kỳ 2026-2031 (cấp xã tháng 4/2026, cấp huyện tháng 6/2026, cấp tỉnh tháng 9/2026)

Chức danh lãnh đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2026-2031 (đối với cấp xã, huyện, tỉnh)
Xã	Sinh từ tháng 9/1972 trở lại đây ¹¹
Huyện	Sinh từ tháng 10/1972 trở lại đây ¹²
Tỉnh	Sinh từ tháng 01/1973 trở lại đây ¹³

(3)- Chức danh lãnh đạo Liên đoàn Lao động nhiệm kỳ 2028-2033 (cấp xã tháng 6/2028, cấp huyện tháng 9/2028, cấp tỉnh tháng 11/2028).

Chức danh lãnh đạo Liên đoàn Lao động các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2028-2033	
	Nam	Nữ
Xã	Sinh từ tháng 6/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 02/1974 trở lại đây ¹⁴
Huyện	Sinh từ tháng 9/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 5/1974 trở lại đây ¹⁵
Tỉnh	Sinh từ tháng 11/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 7/1974 trở lại đây ¹⁶

¹¹ Ví dụ 14: Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh tháng 9/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 7 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 4/2026) = 5 năm 1 tháng công tác (nếu tính sinh tháng 8/1972, thì thiếu 04 tháng).

¹² Ví dụ 15: Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh tháng 10/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 8 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 6/2026) = 5 năm công tác.

¹³ Ví dụ 16: Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh tháng 01/1973, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 8 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 9/2026) = 5 năm công tác.

¹⁴ Ví dụ 18: Đồng chí Nguyễn Thị T (nữ) sinh tháng 02/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 6/2028) = 5 năm công tác.

¹⁵ Ví dụ 19: Đồng chí Nguyễn Thị T (nữ) sinh tháng 5/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 9/2028) = 5 năm công tác.

¹⁶ Ví dụ 20: Đồng chí Nguyễn Thị T (nữ) sinh tháng 7/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 11/2028) = 5 năm công tác.

(4)- Chức danh lãnh đạo Hội Nông dân nhiệm kỳ 2028-2033 (cấp xã tháng 5/2028, cấp huyện tháng 6/2028, cấp tỉnh tháng 9/2028).

Chức danh lãnh đạo Hội Nông dân các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2028-2033	
	Nam	Nữ
Xã	Sinh từ tháng 5/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 01/1974 trở lại đây ¹⁷
Huyện	Sinh từ tháng 6/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 02/1974 trở lại đây ¹⁸
Tỉnh	Sinh từ tháng 9/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 5/1974 trở lại đây ¹⁹

(5)- Chức danh lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2027-2032 (cấp xã tháng 5/2027, cấp huyện tháng 8/2027, cấp tỉnh tháng 10/2027).

- Trường hợp có hướng dẫn của Ban Bí thư Trung ương Đoàn, độ tuổi quy hoạch đối với chức danh cán bộ Đoàn các cấp xác định theo hướng dẫn của Ban Bí thư Trung ương Đoàn.

- Trường hợp chưa có hướng dẫn của Ban Bí thư Trung ương Đoàn, độ tuổi quy hoạch cán bộ Đoàn các cấp tạm thời xác định như sau:

+ Đối với cán bộ đoàn cấp xã: Sinh từ tháng 5/1997 trở lại đây (kể cả nam và nữ).

+ Đối với cán bộ đoàn cấp huyện: Sinh từ tháng 8/1997 trở lại đây (kể cả nam và nữ).

¹⁷ Ví dụ 22: Đồng chí Nguyễn Thị D (nữ) sinh tháng 01/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 5/2028) = 5 năm công tác.

¹⁸ Ví dụ 23: Đồng chí Nguyễn Thị D (nữ) sinh tháng 02/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 6/2028) = 5 năm công tác.

¹⁹ Ví dụ 24: Đồng chí Nguyễn Thị D (nữ) sinh tháng 5/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 9/2028) = 5 năm công tác.

+ Đối với cán bộ đoàn cấp tỉnh

Chức danh lãnh đạo Đoàn cấp tỉnh	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2027-2032 (kể cả nam và nữ)
Ủy viên Ban Chấp hành	Sinh từ tháng 10/1997 trở lại đây
Ủy viên Ban Thường vụ	Sinh từ tháng 10/1995 trở lại đây
Phó Bí thư	Sinh từ tháng 10/1994 trở lại đây
Bí thư	Sinh từ tháng 10/1992 trở lại đây

(6)- Chức danh lãnh đạo Hội Cựu chiến binh nhiệm kỳ 2027-2032

- Trường hợp có hướng dẫn của Trung ương Hội Cựu Chiến binh Việt Nam, độ tuổi quy hoạch chức danh cán bộ Hội cựu chiến binh các cấp xác định theo hướng dẫn của Trung ương Hội Cựu Chiến binh Việt Nam.

- Trường hợp chưa có hướng dẫn của Trung ương Hội Cựu Chiến binh Việt Nam, độ tuổi quy hoạch chức danh cán bộ Hội cựu chiến binh các cấp tạm thời xác định theo Nghị quyết số 09/NQ-CCB ngày 11/01/2021 của Trung ương Hội Cựu Chiến binh Việt Nam, như sau:

+ Đối với chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã: Sinh từ tháng 5/1967 trở lại đây (kể cả nam và nữ).

+ Đối với chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội cựu chiến binh cấp huyện: Sinh từ tháng 7/1962 trở lại đây (kể cả nam và nữ).

+ Đối với chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch; Trưởng ban, Chánh Văn phòng; Phó ban, Phó Văn phòng (nếu có) Hội cựu chiến binh cấp tỉnh: Sinh từ tháng 10/1962 trở lại đây (kể cả nam và nữ).

4- Chức danh cấp trưởng, cấp phó cơ quan, đơn vị không theo nhiệm kỳ

Ví dụ: Đồng chí Nguyễn Văn B (Nam) sinh ngày 05/01/1968, là Trưởng phòng thuộc Sở C, dự kiến giới thiệu quy hoạch chức danh Phó Giám đốc Sở, giai đoạn 2025-2030, đồng chí B được xác định là đối tượng 1. Tính đến thời điểm năm 2025, đồng chí B được 57 tuổi, theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP của Chính phủ, tuổi nghỉ hưu của đồng chí B là 62 tuổi,

thời gian công tác còn lại của đồng chí B là 05 năm (60 tháng), do đó đồng chí B đủ điều kiện về tuổi quy hoạch giai đoạn 2025-2030.

II- Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp đối với đối tượng 2

1. Đối với cán bộ Nam: độ tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp được xác định như sau: Độ tuổi của đối tượng 1 (của chức danh tương ứng nêu tại Phần I) cộng thêm 5 năm (60 tháng);

2. Đối với cán bộ Nữ: độ tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp được xác định cụ thể như sau:

a. Quy hoạch chức danh lãnh đạo cấp ủy các cấp nhiệm kỳ 2025-2030 (*ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra*)

Chức danh lãnh đạo cấp ủy các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2025-2030
Xã	Sinh từ tháng 5/1975 trở lại đây
Huyện	Sinh từ tháng 6/1975 trở lại đây
Tỉnh	Sinh từ tháng 9/1975 trở lại đây

b. Quy hoạch chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và chức danh lãnh đạo các ban Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031

Chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2026-2031
Xã, Huyện, Tỉnh	Sinh từ tháng 5/1976 trở lại đây

c. Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp nhiệm kỳ 2029-2034 (*cấp xã tháng 3/2029, cấp huyện tháng 5/2029, cấp tỉnh tháng 7/2029*)

Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2029-2034
Xã	Sinh từ tháng 3/1979 trở lại đây
Huyện	Sinh từ tháng 5/1979 trở lại đây
Tỉnh	Sinh từ tháng 7/1979 trở lại đây

d. Chức danh lãnh đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ nhiệm kỳ 2026-2031 (*cấp xã tháng 4/2026, cấp huyện tháng 6/2026, cấp tỉnh tháng 9/2026*)

Chức danh lãnh đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2026-2031
Xã	Sinh từ tháng 4/1976 trở lại đây
Huyện	Sinh từ tháng 6/1976 trở lại đây
Tỉnh	Sinh từ tháng 9/1976 trở lại đây

e. Chức danh lãnh đạo Liên đoàn Lao động nhiệm kỳ 2028-2033 (*cấp xã tháng 6/2028, cấp huyện tháng 9/2028, cấp tỉnh tháng 11/2028*).

Chức danh lãnh đạo Liên đoàn lao động các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2028-2033
Xã	Sinh từ tháng 6/1978 trở lại đây
Huyện	Sinh từ tháng 9/1978 trở lại đây
Tỉnh	Sinh từ tháng 11/1978 trở lại đây

f. Chức danh lãnh đạo Hội Nông dân nhiệm kỳ 2028-2033 (cấp xã tháng 5/2028, cấp huyện tháng 6/2028, cấp tỉnh tháng 9/2028).

Chức danh lãnh đạo Hội Nông dân các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2028-2033
Xã	Sinh từ tháng 5/1978 trở lại đây
Huyện	Sinh từ tháng 6/1978 trở lại đây
Tỉnh	Sinh từ tháng 9/1978 trở lại đây

III- Tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm đối với cả 2 đối tượng

Việc xác định độ tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ (giai đoạn) kế tiếp và nhiệm kỳ (giai đoạn) hiện tại cơ bản thực hiện như phương pháp tính nêu tại mục 6, phần II của Hướng dẫn. Vào thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ kế tiếp, cán bộ phải còn thời gian công tác ít nhất 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với đối tượng 1 và ít nhất 2 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2; đối với rà soát bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ phải còn thời gian công tác ít nhất 72 tháng đối với đối tượng 1 và ít nhất 120 tháng đối với đối tượng 2.

..... (1)
*
Số

TỜ TRÌNH
Về việc phê duyệt quy hoạch (hoặc bổ sung quy hoạch)
..... nhiệm kỳ (giai đoạn).....

Kính gửi: - Ban Thường vụ;
- Ban Tổ chức

Thực hiện Quy định số ...-QĐ/TU ngày .../.../... của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ, đã thực hiện quy trình giới thiệu quy hoạch (hoặc bổ sung quy hoạch) nhiệm kỳ (giai đoạn)..... Kết quả như sau:

I. Chức danh

Tổng số cán bộ quy hoạch: đ/c, trong đó:
- Cán bộ trẻ (dưới 40 tuổi): đ/c, chiếm tỷ lệ%
- Cán bộ nữ: đ/c, chiếm tỷ lệ%
- Cán bộ người dân tộc thiểu số: đ/c, chiếm tỷ lệ%

II. Chức danh

Tổng số cán bộ quy hoạch: đ/c, trong đó:
- Cán bộ trẻ (dưới 40 tuổi): đ/c, chiếm tỷ lệ%
- Cán bộ nữ: đ/c, chiếm tỷ lệ%
- Cán bộ người dân tộc thiểu số: đ/c, chiếm tỷ lệ%

.....báo cáo và trình Ban Thường vụ....., Ban Tổ chức
.....xem xét, phê duyệt.

(kèm theo danh sách trích ngang, biên bản kiểm phiếu và hồ sơ cán bộ)

Nơi nhận:

-
-
-

T/M BAN THƯỜNG VỤ
(hoặc BAN LÃNH ĐẠO)⁽²⁾
(ký tên, đóng dấu)

¹ Các đơn vị, địa phương chủ động điều chỉnh thể thức văn bản cho phù hợp
² Các đơn vị, địa phương chủ động điều chỉnh thể thức văn bản cho phù hợp

ĐƠN VỊ.....
*

Mẫu DSQH dành cho các cơ quan, đơn vị

DANH SÁCH TRÍCH NGANG

Nhân sự giới thiệu quy hoạch (rà soát, bổ sung) **nhệm kỳ (giai đoạn).....**
(gửi kèm theo Tờ trình số .../TTTr... ngày .../.../20... của

STT	Họ và tên	Ngày sinh		Dân tộc	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Ngày vào Đảng		Chuyên môn (ghi rõ trình độ và chuyên ngành đào tạo)	Trình độ				Chức vụ và đơn vị công tác hiện nay	Số phiếu giới thiệu				Chức danh được quy hoạch tại đơn vị	Chỉ chú			
		Nam	Nữ			Dự bị	Chính thức		Lý luận chính trị	Ngoại ngữ	Tin học	Quản lý nhà nước		Hội nghị cán bộ chủ chốt	Tỷ lệ	Hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng	Tỷ lệ			Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2)	Tỷ lệ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
	Vi dụ: Nguyễn Văn A (được quy hoạch chức danh Phó Giám đốc Sở)		15/8/1982		Kinh	Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai	18/5/2015	18/5/2016	Thạc sĩ Xây dựng, Kỹ sư Xây dựng cầu đường	Cao cấp	Chương chỉ B Tiếng Anh	Chương chỉ A	Chuyên viên	Phó Trưởng phòng X	22/22	100%	12/12	100%	4/4	100%	Trưởng phòng X	
II. QUY HOẠCH CHỨC DANH.....																						

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

DANH SÁCH TRÍCH NGANG

Nhân sự giới thiệu quy hoạch (rà soát, bổ sung quy hoạch)

(gửi kèm theo Tờ trình số ...-TT/HU ngày .../.../20... của Ban Thường vụ Huyện ủy)

STT	Họ và tên	Ngày sinh		Dân tộc	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Ngày vào Đảng		Chuyên môn (ghi rõ trình độ và chuyên ngành đào tạo)	Trình độ				Chức vụ và đơn vị công tác hiện nay	Số phiếu giới thiệu			Chức danh được quy hoạch tại đơn vị	Chi chú			
		Nam	Nữ			Dự bị	Chính thức		Lý luận chính trị	Ngoại ngữ	Tin học	Quản lý nhà nước		Hội nghị cán bộ chủ chốt	Hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng	Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2)			Ty lệ	Ty lệ	Ty lệ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
I. QUY HOẠCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ NHIỆM KỲ																					
VI	Nguyễn Văn A	15/9/1986		Kinh	Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai	03/2/2014	03/2/2015	Thạc sĩ Xây dựng, Kỹ sư Xây dựng cầu đường	Cao cấp	Chứng chỉ B Tiếng Anh	Chứng chỉ A	Chuyên viên	Phó Trưởng phòng Quản lý đô thị	68/75	90,67%	37/37	100%	12/12	100%	Trưởng phòng Quản lý đô thị	
II. QUY HOẠCH BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY NHIỆM KỲ																					
III. QUY HOẠCH CHỨC DANH BÍ THƯ HUYỆN ỦY NHIỆM KỲ																					
IV. QUY HOẠCH CHỨC DANH PHÓ BÍ THƯ HUYỆN ỦY NHIỆM KỲ																					
V. QUY HOẠCH CHỨC DANH CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN NHIỆM KỲ																					
VI. QUY HOẠCH CHỨC DANH CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHIỆM KỲ																					
VII. QUY HOẠCH CHỨC DANH PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN NHIỆM KỲ																					
VIII. QUY HOẠCH CHỨC DANH PHÓ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHIỆM KỲ																					

T/M BAN THƯỜNG VỤ

(kỳ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ.....

(Đóng dấu treo)

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

**của Hội nghị về nhân sự quy hoạch
nhiệm kỳ (giai đoạn).....
(Bước)**

Vào lúc giờ ... phút ngày .../.../20...., tại, Ban Thường vụ (hoặc tập thể lãnh đạo) tổ chức hội nghị về quy hoạch

- Chủ trì hội nghị: (ghi rõ họ và tên, chức vụ người chủ trì).

- Tổng số triệu tập:đ/c.

- Tổng số có mặt:đ/c

- Tổng số vắng mặt:đ/c

Hội nghị thống nhất cử Tổ kiểm phiếu gồm các đồng chí có tên sau:

1.(ghi rõ họ và tên, chức vụ) – Tổ trưởng.

2.(ghi rõ họ và tên, chức vụ) – Thành viên.

3.(ghi rõ họ và tên, chức vụ) – Thành viên.

4.

Kết quả kiểm phiếu như sau:

- Tổng số phiếu phát ra: phiếu

- Tổng số phiếu thu vào: phiếu

- Tổng số phiếu hợp lệ: phiếu

- Tổng số phiếu không hợp lệ: phiếu

I. QUY HOẠCH CHỨC DANH.....:

STT	Họ và tên	Ngày sinh		Chức vụ, đơn vị công tác	Số phiếu đồng ý		Số phiếu không đồng ý
		Nam	Nữ		Số phiếu	Tỷ lệ %	
1	2	3	4	5	6	7	8

II. QUY HOẠCH CHỨC DANH.....:

STT	Họ và tên	Ngày sinh		Chức vụ, đơn vị công tác	Số phiếu đồng ý		Số phiếu không đồng ý
		Nam	Nữ		Số phiếu	Tỷ lệ %	
1	2	3	4	5	6	7	8

Kết quả kiểm phiếu kết thúc vào lúc giờ phút cùng ngày và được lập thành 02 bản.

CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ

T/M TỔ KIỂM PHIẾU

.....

*

Số

.....⁽¹⁾

.....

KẾT LUẬN
Về nhận xét, đánh giá cán bộ quy hoạch
nhiệm kỳ (giai đoạn)

I- SƠ LƯỢC VỀ CÁN BỘ:

- Họ và tên:
- Ngày sinh:
- Chức vụ và đơn vị công tác:

II- NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ:

1- Ưu điểm:

1.1- Về phẩm chất chính trị; đạo đức, lối sống; ý thức tổ chức kỷ luật; đoàn kết nội bộ và việc thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương.

- Về phẩm chất chính trị
- Về phẩm chất đạo đức, lối sống
- Về ý thức tổ chức kỷ luật
- Về đoàn kết nội bộ
- Về việc thực hiện trách nhiệm nêu gương

1.2- Về năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao

1.3- Về uy tín và triển vọng phát triển

2- Hạn chế:.....

III- KẾT LUẬN CHUNG: (liệt kê mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong 03 năm gần nhất)

- Năm:.....
- Năm:.....
- Năm:.....

Nơi nhận:

-
-
-

T/M BAN THƯỜNG VỤ
(hoặc TẬP THỂ LÃNH ĐẠO)⁽²⁾
(ký tên, đóng dấu)

¹ Các đơn vị, địa phương chủ động điều chỉnh thể thức văn bản cho phù hợp
² Các đơn vị, địa phương chủ động điều chỉnh thể thức văn bản cho phù hợp

..... (1)
*
(Đóng dấu treo)

PHIẾU GIỚI THIỆU (HOẶC BIỂU QUYẾT)
Quy hoạch (hoặc bổ sung hoặc đưa ra khỏi quy hoạch).....
nhiệm kỳ (giai đoạn).....
(tại Hội nghị)

Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, cơ cấu, số lượng,... và phẩm chất đạo đức, năng lực cán bộ; ban thường vụ cấp ủy (tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị)... đề nghị đồng chí cho biết ý kiến giới thiệu (biểu quyết) nhân sự quy hoạch (rà soát, bổ sung và đưa ra khỏi quy hoạch) các chức danh lãnh đạo, quản lý ... nhiệm kỳ (giai đoạn) ... và đánh dấu (X) vào ô đồng ý hoặc không đồng ý:

STT	Họ và tên	Ngày sinh		Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay	Phản cho ý kiến	
		Nam	Nữ		Đồng ý	Không đồng ý
1	2	3	4	5	6	7
1						
2						

(Lưu ý: Đưa danh sách gồm tất cả các đồng chí bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện và đạt tỷ lệ phiếu tín nhiệm giới thiệu ở bước trước).

Ý kiến khác:.....

.....

.....

NGƯỜI GIỚI THIỆU
(Có thể ký tên hoặc không ký tên)

¹ Các đơn vị, địa phương chủ động điều chỉnh thể thức văn bản cho phù hợp

..... (1)
*
Số -QĐ/...

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt quy hoạch (hoặc bổ sung hoặc đưa ra khỏi
quy hoạch) chức danh..... nhiệm kỳ (giai đoạn)

- Căn cứ Quyết định số-QĐ/..., ngày .../.../...
- Căn cứ Quy định số ...-QĐ/TU ngày .../02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ;
- Xét đề nghị của(tại Tờ trình số ...-TTr/..., ngày .../.../...)

BAN THƯỜNG VỤ CẤP ỦY (hoặc TẬP THỂ LÃNH ĐẠO)
QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch (hoặc bổ sung hoặc đưa ra khỏi quy hoạch) các chức danh ... nhiệm kỳ (giai đoạn) ... (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Ban thường vụ cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, ... có trách nhiệm định kỳ rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ theo đúng quy định hiện hành của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; xây dựng kế hoạch và phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển đối với cán bộ trong danh sách quy hoạch.

Điều 3. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị,... và các đồng chí có tên trong danh sách quy hoạch nêu tại Điều 1 thi hành quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 3,
...
- Lưu:...

T/M BAN THƯỜNG VỤ
(hoặc TẬP THỂ LÃNH ĐẠO)
(Ký tên và đóng dấu)

*** Ghi chú:** Các đơn vị, địa phương chủ động điều chỉnh thể thức văn bản và các chủ thể thi hành quyết định cho phù hợp với thực tiễn.